

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 8319
ĐẾN	Ngày: 25/11/13
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 740/TTr-SKHĐT-KTĐN ngày 25/7/2013 và Giám đốc Sở tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 97/BC-STP ngày 03/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH

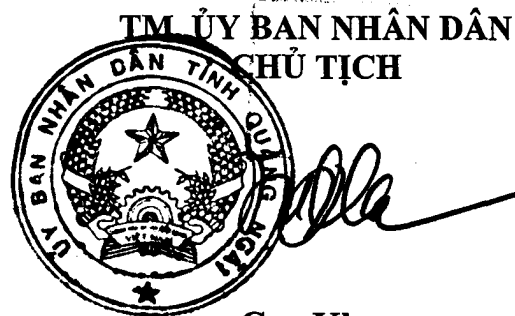
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số Chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 69/2008/QĐ-UBND ngày 02/5/2008 của UBND tỉnh quy định Chính sách đầu tư vào Khu công nghiệp Tịnh Phong và Khu công nghiệp Quảng Phú, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư Pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các Phòng Nghiên cứu, CBTH;
- Lưu VT, CN (lnphong286).



Cao Khoa

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể một số chính sách hỗ trợ của tỉnh về: xây dựng khu tái định cư, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo lao động (kể cả đào tạo lại) cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Luật Đầu tư, gồm:

a) Dự án đầu tư về nhà ở xã hội, chợ, giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

b) Dự án đầu tư về du lịch; dự án thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Dự án đầu tư vào các Khu công nghiệp và Khu kinh tế Dung Quất (chỉ được hỗ trợ đào tạo lao động).

2. Ngoài các chính sách hỗ trợ đầu tư hiện hành của nhà nước, các dự án đầu tư tại Khoản 1 Điều này còn được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này nhưng không được hỗ trợ cùng loại trùng lặp cho một dự án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có dự án đầu tư, kể cả dự án đầu tư mở rộng theo quy định của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là Nhà đầu tư).

2. Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đầu tư.

Chương II

**HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ,
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết thực hiện dự án. Việc hỗ trợ quy định tại Chương này được thực hiện tương ứng với tiến độ xây dựng dự án.

2. Ưu tiên việc hỗ trợ xây dựng khu tái định cư trước, tiếp đến là hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Các dự án đầu tư về: nhà ở xã hội, chợ, giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường: Hỗ trợ 100 triệu đồng/ha diện tích đất sử dụng cho dự án và 1% (một phần trăm) trên tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được cấu thành trong tổng mức đầu tư được Nhà đầu tư phê duyệt và trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đăng ký đầu tư, nhưng mức hỗ trợ này tối đa là 20 tỷ đồng/dự án.

2. Các dự án đầu tư về du lịch; Dự án thuộc Danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Hỗ trợ 50 triệu đồng/ha diện tích đất sử dụng cho dự án và 1% (một phần trăm) trên tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được cấu thành trong tổng mức đầu tư được Nhà đầu tư phê duyệt và trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đăng ký đầu tư, nhưng mức hỗ trợ này tối đa là 20 tỷ đồng/dự án.

3. Mức hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định lại khi dự án đi vào hoạt động, nếu diện tích đất sử dụng không hết theo dự kiến ban đầu thì xem xét điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp với diện tích đất thực tế dự án đã sử dụng.

4. Trường hợp khi xác định tổng mức đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật đề nghị tỉnh hỗ trợ mà cao hơn mức được hỗ trợ theo quy định tại Điều này thì Nhà đầu tư có trách nhiệm tự góp vốn để thực hiện phần vượt mức hỗ trợ.

Điều 5. Phương thức thực hiện và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Phương thức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư các công trình được hỗ trợ để Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, có ý kiến thống nhất trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Trường hợp Nhà đầu tư đề nghị tự ứng trước kinh phí để thực hiện thì phải được UBND tỉnh có văn bản chấp thuận. Nhà đầu tư chuyển phần kinh phí ứng trước cho các cơ quan nhà nước được UBND tỉnh giao nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện.

c) Trường hợp Nhà đầu tư kiến nghị một số dự án cấp thiết cần sớm đầu tư, phát huy hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư trên cơ sở có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh

Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nguồn kinh phí bố trí cho các công trình hỗ trợ được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Chương này.

Điều 6. Quy trình, thủ tục thực hiện

1. Quy trình

a) Xác định danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật được hỗ trợ:

Dựa trên mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, Nhà đầu tư có văn bản đề xuất các công trình được hỗ trợ gửi cơ quan đầu mối và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan đầu mối và các sở, ngành, địa phương liên quan xác định danh mục công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng Khu tái định cư cần hỗ trợ và dự thảo văn bản chủ trương đầu tư, trong đó xác định quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện, nguồn vốn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) UBND tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thủ tục

Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt đầu tư các công trình được hỗ trợ thực hiện như đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương III HỖ TRỢ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG (KỀ CẢ ĐÀO TẠO LẠI)

Điều 7. Điều kiện hỗ trợ

1. Lao động được Nhà đầu tư tuyển dụng thông qua hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên;

2. Nhà đầu tư có hợp đồng đào tạo nghề với cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh (trường hợp trong tỉnh không có cơ sở đào tạo nghề phù hợp thì đào tạo tại các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh).

3. Trường hợp lao động do Nhà đầu tư tự tổ chức đào tạo thì Nhà đầu tư phải có Trung tâm dạy nghề được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề. Nhà đầu tư phải xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo và phương thức tổ chức thực hiện gửi cơ quan đầu mối và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xác nhận trước khi triển khai thực hiện.

Điều 8. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ không quá 1.500.000đồng/lao động/khóa đào tạo dưới 03 tháng; 2.000.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ 03 tháng đến 06 tháng và chỉ hỗ trợ lần đầu cho dự án.

Điều 9. Phương thức thực hiện và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Phương thức thực hiện

Nhà đầu tư tự ứng trước kinh phí để thực hiện đào tạo và tỉnh sẽ cấp lại cho Nhà đầu tư sau khi hoàn thành việc đào tạo.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh

Hàng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách, các cơ quan đầu mối có trách nhiệm dự kiến nhu cầu hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các dự án trong năm kế tiếp, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 10. Quy trình, thủ tục thực hiện

1. Quy trình

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc hỗ trợ đào tạo lao động có trách nhiệm hướng dẫn Nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí đào tạo và tiếp nhận hồ sơ đề nghị từ Nhà đầu tư.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với cơ quan đầu mối tổ chức kiểm tra và lập văn bản gửi Sở Tài chính xem xét thẩm định. Thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp kinh phí đào tạo cho Nhà đầu tư thông qua cấp hỗ trợ kinh phí cho các Cơ

quan đầu mối. Thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Thời gian cấp kinh phí hỗ trợ không quá 06 tháng tính từ khi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được hồ sơ hợp lệ từ nhà đầu tư.

2. Thủ tục

Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí đào tạo do Nhà đầu tư lập gồm: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy đăng ký đầu tư; Hợp đồng lao động; Hợp đồng đào tạo (hoặc dự toán chi phí đào tạo đối với trường hợp tự đào tạo), Báo cáo kết quả đào tạo (chỉ hỗ trợ đối với số lao động sau khi đào tạo được cấp chứng chỉ), Xác nhận của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (trường hợp tự đào tạo). Số bộ hồ sơ là 02 bộ, trong đó có ít nhất một bộ gốc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Cơ quan đầu mối, các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn nơi có dự án đầu tư triển khai không được đặt ra các thủ tục, các khoản phí hoặc lệ phí trái với quy định Nhà nước hoặc có yêu cầu đóng góp kinh phí cho đơn vị, địa phương như là một điều kiện để giải quyết các công việc liên quan đến việc triển khai dự án đối với các Nhà đầu tư.

2. Các cơ quan Nhà nước, cán bộ được giao nhiệm vụ trực tiếp xử lý những vấn đề có liên quan đến dự án của Nhà đầu tư mà không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, gây ảnh hưởng bất lợi cho các hoạt động đầu tư vào tỉnh, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ 06 tháng, hàng năm, các cơ quan đầu mối, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ đầu tư cho Nhà đầu tư theo Quy định này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm về tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 12. Xử lý một số tình huống

1. Trong trường hợp dự án không triển khai đúng quy định mà không có lý do chính đáng được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư do Nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết thì Nhà đầu tư phải hoàn trả các ưu đãi, các chi phí khác mà Nhà nước đã hỗ trợ cho dự

án; phần giá trị còn lại đầu tư trên đất được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.


2. Nếu có sự thay đổi của dự án dẫn đến thay đổi các hỗ trợ kinh phí đầu tư đã được cấp, Nhà đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh các hỗ trợ kinh phí đầu tư tương ứng. Trường hợp mức kinh phí hỗ trợ được điều chỉnh thấp hơn mức kinh phí hỗ trợ đã cấp, trong thời hạn tối đa 90 ngày, Nhà đầu tư phải hoàn trả lại phần chênh lệch thừa giữa mức kinh phí hỗ trợ đã cấp và kinh phí mức hỗ trợ mới điều chỉnh.

3. Trường hợp đặc biệt: Đối với những dự án phát sinh ngoài quy định này và cần thiết hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan đầu mối tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản báo cáo và xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thì được áp dụng theo Quy định này.

Điều 13. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Khoa